TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **325/2022**/DS-ST
Ngày: 18/8/2022
V/v "Tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Trúc Mai;**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phùng Văn Long;**

2. Bà **Đặng Thụy Thùy Nga;**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Đàm Thị Ngọc Ánh-** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 18/8/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 238/2022/TLST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp "*Hợp đồng góp hụi*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2022/QĐXXST-DS ngày 15/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 100/2022/QĐST-DS ngày 02/8/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Phạm Hồng Thanh V**, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Ấp 2, xã TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Nguyễn Thị H (tên thường gọi là L)**, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Ấp 5, xã TH, huyện CT, Tiền Giang.

(Có mặt ông V; vắng mặt bà H)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 18/5/2022, nguyên đơn Phạm Hồng Thanh V trình bày:*

Vào ngày 15/4/2020, ông V có đứng ra làm đầu thảo mở một dây hụi. Bà Nguyễn Thị H có tham gia chơi một phần hụi và đã hốt hụi, nhưng không đóng hụi chết đầy đủ, cụ thể như sau:

Dây hụi tháng khởi khui vào ngày 15/04/2020 (âm lịch), hụi 5.000.000 đồng/tháng, gồm 24 phần. Bà Nguyễn Thị H có tham gia chơi 01 phần và đã hốt hụi vào kỳ khui thứ 3 vào ngày 15/6/2020 (âm lịch). Đến nay hụi đã mãn bà Nguyễn Thị H vẫn còn nợ ông 19 kỳ hụi chết tương ứng với số tiền phải trả cho ông V là 95.000.000 đồng. Ông đã nhiều lần gặp bà H để lấy tiền hụi chết, nhưng bà H cứ hẹn hoài mà không trả. Ông V và bà H không thể thương lượng để cùng nhau giải quyết khoản tiền nợ hụi nói trên. Mặc dù nhiều lần liên hệ bà H để đòi nhưng đến nay bà H vẫn chưa trả tiền nợ hụi cho ông V.

Nay ông yêu cầu bà H phải trả cho ông số tiền hụi là 95.000.000đồng, trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, ông V không yêu cầu gì thêm.

** Bị đơn Nguyễn Thị H vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, mặc dù bà đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập tham dự các phiên hòa giải và công khai chứng cứ, tham dự phiên tòa sơ thẩm, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ, các tài liệu chứng cứ do ông V cung cấp.*

Tại phiên tòa hôm nay

Nguyên đơn có thay đổi yêu cầu khởi kiện, ông V chỉ yêu cầu bà H trả cho ông tiền nợ hụi là 68.730.000đồng, ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, ngoài ra ông không yêu cầu gì thêm. Lý do, ông biết được hoàn cảnh hiện tại của bà H rất khó khăn, do bà mắc nợ nhiều người.

Bị đơn Hồng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Nguyễn Thị H nhiều lần vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập tham dự phiên tòa.

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt bà H.

Đối với việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như đã trình bày tại phiên tòa, xét thấy hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 5, Khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] - *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Theo nội dung đơn khởi kiện, căn cứ theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp "*Hợp đồng góp hụi*".

[3] - *Về nội dung yêu cầu:*

Tại phiên tòa, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, ông V có trình cho Hội đồng xét xử bản chính tờ "**Biên nhận hụi**", với nội dung thể hiện bà Nguyễn Thị H (Liên) có nhận từ ông V số tiền hụi mà bà được hốt ở kỳ thứ 3 (tháng 6/2020 âm lịch) của dây hụi tháng 5.000.000đồng, dây hụi này gồm 24 phần, khởi khui ngày 15/4/2020 (âm lịch) với số tiền là 75.730.000đồng, trích lại tiền hoa hồng 2.000.000đồng cho chủ hụi. Còn lại 73.730.000đồng, ông V đã giao đủ cho bà H số tiền này vào ngày 20/6/2020, sau đó bà H có đóng lại cho ông V 01 phần hụi chết và bà còn nợ ông 19 phần hụi chết. Theo ông V trình bày, nếu theo sự thỏa thuận giữa những thành viên tham gia dây hụi này thì bà H còn phải trả cho ông 19 phần hụi chết x 5.000.000đồng/phần = 95.000.000đồng. Do hoàn cảnh bà H khó khăn nên ông chỉ yêu cầu bà H trả cho ông số tiền 68.730.000đồng = 73.730.000đồng – 5.000.000đồng, yêu cầu trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy yêu cầu này của ông V là hoàn toàn có lợi cho bà H và phù hợp với quy định pháp luật tại Khoản 1 Điều 280, Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông V, mặc dù trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần tống đạt hợp lệ giấy triệu tập bà H tham gia hòa giải, công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa, thông báo thụ lý vụ án, thông báo kết quả phiên họp công khai chứng cứ, các tài liệu do phía ông V cung cấp, nhưng bà H đều vắng mặt không rõ lý do, hơn nữa bà cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến phản hồi của bà đối với yêu cầu khởi kiện của ông V. Từ đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định việc bà H có tham gia chơi hụi do ông V làm đầu thảo, bà có hốt hụi và bà còn nợ tiền hụi chết như lời ông V trình bày là có thật.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông V, buộc bà H phải có nghĩa vụ trả cho ông V 68.730.000đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bà H chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông V được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Khoản 1 Điều 244; Điều 5; khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 471; Khoản 1 Điều 280; Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự;

- Áp dụng Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Hồng Thanh V.

Buộc bà Nguyễn Thị H (tên thường gọi là Liên) trả cho ông Phạm Hồng Thanh V số tiền nợ hụi là **68.730.000 (sáu mươi tám triệu bảy trăm ba mươi ngàn) đồng,** thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà H chậm thi hành khoản tiền trên thì bà còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án cho ông V. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án được quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà H phải chịu **3.436.500đồng.**

Hoàn lại cho ông V số tiền tạm ứng án phí **2.375.000đồng** mà ông đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0020514 ngày 03/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

3/ Về quyền kháng cáo: Ông V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

ĐÃ KÝ

HUỲNH THỊ TRÚC MAI

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Tiền Giang.*
- *VKSND huyện Châu Thành.*
- *Chi cục THADS.HCT.*
- *Cácđương sự.*
- *Lưu HSVA.*